



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO **NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(Ban hành theo Quyết định số: 76/QĐ-ĐHNCT ngày 20 tháng 6 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

1. MÔ TẢ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành QTKD được thiết kế nhằm đào tạo SV toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, trong đó nhấn mạnh năng lực tự học, thực hành và ý thức trách nhiệm xã hội, đảm bảo cho sinh viên được học tập chủ động và trải nghiệm thực tiễn. SV tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, trình độ năng lực chuyên môn của nhà tuyển dụng và xã hội.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Quản trị kinh doanh
Tên chương trình (tiếng Anh)	Business administration
Mã ngành đào tạo	7340101
Trường cấp bằng	Trường Đại Học Nam Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	132
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 132 tín chỉ;- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên;- Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường.- Đạt chuẩn đầu ra Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp;- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none">- Nhân viên, chuyên viên trong các tổ chức kinh doanh;- Chuyên viên marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, nghiên cứu thị trường;

	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp. - Có thể thành lập công ty, cơ sở kinh doanh để tự kinh doanh.
Học tập nâng cao trình độ	Có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình đào tạo ở nước ngoài; CTĐT của ĐH Kinh tế Tp. HCM và ĐH Quốc gia Tp. HCM.

1.3. Mục tiêu đào tạo

1.3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh là trang bị cho sinh viên kiến thức vững chắc để có thể điều hành/quản trị các doanh nghiệp, kiến thức và năng lực quản lý đáp ứng được yêu cầu của việc làm trong kinh doanh và có thể theo học các cấp cao hơn của ngành quản trị kinh doanh.

Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, hiểu biết các chuẩn mực đạo đức kinh doanh; có trách nhiệm đối với xã hội, hiểu biết sâu rộng về phát triển kinh tế của đất nước và các vấn đề kinh tế xã hội và chính sách phát triển kinh tế.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể

- **M1:** Thực thi, điều hành và quản lý các công việc liên quan đến công việc sản xuất – kinh doanh ở các tổ chức kinh doanh và các tổ chức khác.
- **M2:** Kiến thức chuyên môn về quản trị kinh doanh, marketing, bán hàng, nhân sự, chất lượng, marketing,... để đáp ứng các yêu cầu trong công việc như điều hành, quản lý công việc kinh doanh, xúc tiến thương mại,...
- **M3:** Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề liên quan đến vận hành hệ thống sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức.
- **M4:** Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp và tổ chức.
- **M5:** Kỹ năng thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến sản xuất, nhân sự, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, hậu mãi,...
- **M6:** Kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, marketing, bán hàng.
- **M7:** Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao. Đồng thời có kiến thức và khả năng về nghiên cứu khoa học.
- **M8:** Năng động, cầu tiến, sáng tạo, có tính kỷ luật, tác phong công nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm đối với xã hội.

1.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh phải có những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, cụ thể như sau:

a. Về kiến thức

- **PO1:** Biết được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê, TT HCM, đường lối CM của ĐCSVN, pháp luật VN, trong nghề nghiệp và cuộc sống.

- **PO2:** Vận dụng thành thạo khối kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức cơ bản của nhóm ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo;

- **PO3:** Áp dụng vững vàng các kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, nhân lực, marketing, tài chính – kế toán... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường; tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp;

- **PO4:** Phân tích, đánh giá và vận dụng vào thực tiễn các kiến thức đã học liên quan đến quản trị, văn hóa doanh nghiệp, hành vi của tổ chức; đàm phán và giải quyết các xung đột nghề nghiệp... để có thể khởi nghiệp và quản trị tốt một doanh nghiệp trong môi trường trong nước và quốc tế.

b. Kỹ năng

- **PO5:** Vận dụng những nghiệp vụ chuyên môn cơ bản về quản trị kinh doanh như: Quản trị chiến lược; Quản trị nhân lực; Quản trị tác nghiệp; Quản trị tài chính; Quản trị marketing; Quản trị rủi ro; Hệ thống thông tin quản trị; Quản trị dự án; Quản trị chất lượng trong công tác điều hành và quản trị doanh nghiệp.

- **PO6:** Hiểu, biết, vận dụng các quy định luật pháp trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh trong giải quyết công việc được giao hiệu quả, đúng pháp luật.

- **PO7:** Kỹ năng đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp và tổ chức.

- **PO8:** Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên ngành để xây dựng kế hoạch và sử dụng thời gian, các nguồn lực. Khả năng lựa chọn những công việc cần ưu tiên và tổ chức thực hiện một cách khoa học, hiệu quả.

- **PO9:** Biết tổ chức thành thạo các sinh hoạt thảo luận chuyên môn, thuyết phục, tôn trọng, trợ giúp, chia sẻ, chung sức với các thành viên trong và ngoài đơn vị. Có năng lực tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả, sẵn sàng hợp tác trong công việc và thiết lập các mối quan hệ công việc với đồng nghiệp và khách hàng.

- **PO10:** Vận dụng các kỹ năng cá nhân: Kỹ năng quản lý và lãnh đạo, giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ và tin học trong công việc.

- **PO11:** Khả năng nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề kinh tế để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên khan hiếm.

c. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- **PO12:** Tự tin không chỉ trong công việc liên quan đến kinh tế, quản trị kinh doanh, linh hoạt trong việc tìm các giải pháp trong và ngoài chuyên môn, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa và có khát vọng vươn lên để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp.

- **PO13:** Trung thực, cẩn thận, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự giác phát triển sản phẩm, đổi mới sáng tạo.

- **PO14:** Chấp hành các qui định của nhà nước và pháp luật, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của ngành quản trị kinh doanh trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống.

1.5. Mối quan hệ giữa mục tiêu với Chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng							Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	P 05	P 06	P 07	P 08	P 09	PO 10	PO 11	PO12	PO13	PO14
M1	x													x
M2		x	x	x			x	x			x			
M3		x		x	x			x		x		x		
M4		x		x			x		x	x		x		
M5			x		x			x	x	x		x		
M6			x		x	x		x	x	x				
M7			x	x	x						x	x	x	
M8	x					x	x		x			x	x	x

1.6. Phương pháp/chiến lược dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

1.6.1. Phương pháp/chiến lược dạy học

Các phương pháp dạy học được trình bày trong bảng sau:

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu

1.6.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm một lần với phương hướng điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia,...) về chất lượng chương trình đào tạo.

Hàng năm Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của GV, đặc biệt là GV trẻ để trao đổi và chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao năng lực GV.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, trách nhiệm của GV.

1.6.3. Thang điểm, hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5 5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	15	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	10

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ, ... rèn luyện được tác phong, tính kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc.

2.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng chương trình: 132 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
Kiến thức giáo dục đại cương	42		42
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	72	18	90
- Kiến thức cơ sở ngành	34	6	40
- Kiến thức chuyên ngành	34	6	40
- Thực tập tốt nghiệp	4		4
- Khóa luận tốt nghiệp/Các môn thay thế		6	6

KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
Tổng khối lượng	114	18	132

2.2. Danh sách các học phần

2.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 42 TC

A. Lý luận chính trị:

STT	Tên học phần	TC	LT	TH
1	Triết học	3	3	
2	Kinh tế chính trị	2	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
Tổng		11	11	

B. Khoa học xã hội:

STT	Tên học phần	TC	LT	TH
	Học phần bắt buộc	4	4	
1	Pháp luật đại cương	2	2	
2	Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh	2	2	
3	Hành vi khách hàng	2	2	
4	Cơ sở văn hóa Việt nam	2	2	
5	Giao tiếp kinh doanh	2	2	
	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)	2	2	
6	Tâm lý học đại cương	2	2	
7	Xã hội học đại cương	2	2	
8	Logic học đại cương	2	2	
Tổng		12	12	

C. Ngoại ngữ:

STT	Tên học phần	TC	LT	TH
1	Tiếng Anh căn bản 1	3	3	
2	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	
3	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	
Tổng		9	9	

E. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên:

STT	Tên học Phần	TC	LT	TH
1	Toán kinh tế	3	3	
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	
3	Tin học căn bản	3	2	1

STT	Tên học Phần	TC	LT	TH
	Tổng	9	8	1

F. Giáo dục thể chất: 3 TC

G. Giáo dục quốc phòng – An ninh: 8 TC

2.2.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC

A. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Tên học phần	TC
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Marketing căn bản	3
	Tổng cộng	12

B. Kiến thức cơ sở của ngành

STT	Tên học phần	TC
1	Nguyên lý kế toán	3
2	Luật kinh tế	2
3	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3
4	Kinh tế lượng	3
	Tổng cộng	11

C. Kiến thức ngành

STT	Tên học phần	TC
1	Hệ thống thông tin quản lý	2
2	Nghiên cứu Marketing	3
3	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3
4	Thực hành nghề nghiệp 1	2
5	Hành vi tổ chức	2
6	Quản trị tài chính	3
7	Thương mại điện tử	2
	Tổng cộng	17

D. Kiến thức chuyên ngành

STT	Tên học phần	TC
	Học phần bắt buộc	33
1	Quản trị nhân lực	2
2	Quản trị chiến lược	3
3	Quản trị chất lượng	2
4	Quản trị sản xuất	3
5	Quản trị thương hiệu	3
6	Quản trị bán hàng	2
7	Quản trị Marketing	3

STT	Tên học phần	TC
8	Phân tích hoạt động kinh doanh	3
9	Kế toán quản trị	3
10	Kế toán tài chính	3
11	Anh văn chuyên ngành 1 (QTKD)	3
12	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)	3
	Tự chọn	8
1	Quản trị hành chính văn phòng*	2
2	Thị trường chứng khoán*	2
3	Khởi tạo doanh nghiệp*	2
4	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh*	2
5	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2
6	Thanh toán quốc tế	2
7	Thuế	2
8	Tin học ứng dụng trong quản trị kinh doanh	3
9	Quan hệ công chúng	2
10	Kinh tế quốc tế	2
11	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2
12	Quản trị chuỗi cung ứng	3
13	Quản trị sự thay đổi	3
	Tổng cộng	40

E. Thực tập cuối khóa và viết khóa luận tốt nghiệp

STT		10
1	Thực tập cuối khóa	4
2	Khóa luận tốt nghiệp	6
Môn thay thế khóa luận		
1	E-Marketing	3
2	Quản trị kinh doanh quốc tế	3

2.3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Học kỳ 1

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn căn bản 1	3	45	3	45		
2	Giáo dục quốc phòng – an ninh			5	75	3	90
3	Giáo dục thể chất 1					1	30
4	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	45	3	45		
5	Triết học	3	45	3	45		
6	Tin học căn bản	3	45	3	45		
7	Toán cao cấp	3	45	3	45		
	Tổng	15	225	15	225	4	120

Học kỳ 2

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn căn bản 2	3	45	3	45		
2	Kinh tế vi mô	3	45	3	45		
3	Giáo dục thể chất 2					1	30
4	Logic học đại cương	2	30	2	30		
5	Kinh tế chính trị	2	30	2	30		
6	CNXH khoa học	2	30	2	30		
7	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
8	Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh	2	30	2	30		
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
10	Tổng	18	270	18	270	1	30

Học kỳ 3

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Kinh tế vĩ mô	3	45	3	45		
2	Anh văn căn bản 3	3	45	3	45		
3	Marketing căn bản (dạy bằng tiếng Anh)	3	45	3	45		
4	Nguyên lý kế toán	3	45	3	45		
5	Quản trị học	3	45	3	45		
6	Giáo dục thể chất 3					1	30
7	Hành vi khách hàng	2	30	2	30		
	Tổng	17	255	17	255	1	30

Học kỳ 4

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Hành vi tổ chức	2	30	2	30		
2	Kinh tế lượng	3	45	2	30	1	30
3	Luật kinh tế	2	30	2	30		
4	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	3	45		
5	Nghiên cứu Marketing	3	45	3	45		
6	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	2	30		
7	Quản trị nhân lực	2	30	2	30		
	Tổng	17	255	17	255	1	30

Học kỳ 5

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn chuyên ngành 1 (QTKD)	3	45	3	45		
2	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	3	45		

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
3	Quản trị bán hàng	2	30	2	30		
4	Quản trị hành chính văn phòng	2	30	2	30		
5	Văn hóa DN & đạo đức kinh doanh	2	30	2	30		
6	Kế toán quản trị	3	45	3	45		
7	Kế toán tài chính	3	45	3	45		
	Tổng	18	270	18	270		

Học kỳ 6

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)	3	45	3	45		
2	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	2	30		
3	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2	30	2	30		
4	Quản trị chất lượng	2	30	2	30		
5	Thiết lập & thẩm định dự án đầu tư	3	45	3	45		
6	Quản trị sản xuất	3	45	3	45		
7	Thương mại điện tử	2	30	2	30		
	Tổng	17	255	17	255		

Học kỳ 7

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Quản trị chiến lược	3	45	3	45		
2	Quản trị Marketing	3	45	3	45		
3	Quản trị tài chính	3	45	3	45		
4	Quản trị thương hiệu	3	45	3	45		
5	Thực hành nghề nghiệp (QTKD)	2	60			2	60
6	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	30	2	30		
	Tổng	16	270	14	210	2	60

Học kỳ 8

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Thị trường chứng khoán	2	30				
2	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30				
3	Thực tập cuối khóa	4	120			4	120
4	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế khóa luận)	6	180			6	180

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
4.1	E-Marketing	3	45				
4.2	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45				
	Tổng	14					

(*) Nếu sv không đủ điều kiện thực hiện khóa luận, sẽ học các học phần thay thế.

3. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC KHỐI KIẾN THỨC VÀO MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA

(0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng							NL Tự chủ trách nhiệm		
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
Chung	3	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	2
Chuyên nghiệp	2	2	3	2	2	2	2	3	2	3	3	2	2	2
Chuyên ngành	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	2
Khóa luận	2	3	3	3	3	2	3	3	3	2	3	3	3	2

4. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT

(0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chuyên môn							NL TCTN		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Triết học	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
Kinh tế chính trị	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1
Đường lối CM ĐCSVN	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Pháp luật đại cương	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Tâm lý ứng dụng trong KD	0	2	2	2	0	2	2	2	2	2	1	1	1	1
Tâm lý học đại cương	0	1	2	2	2	0	0	0	2	0	2	2	2	0

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chuyên môn							NL TCTN		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Logic học	1	1	2	2	0	2	0	2	0	0	1	1	0	0
Giao tiếp kinh doanh	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	0
Hành vi khách hàng	0	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	0	0	0
Tiếng Anh căn bản 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	2
Tiếng Anh căn bản 2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	2	2	2
Tiếng Anh căn bản 3	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	2	2	2
Toán cao cấp	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0
Lý thuyết xs thống kê	2	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
Tin học căn bản	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	1	0	0	0
Kinh tế vi mô	0	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Kinh tế vĩ mô	0	2	2	2	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0
Quản trị học	0	2	2	2	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0
Marketing căn bản	0	0	0	0	2	2	2	2	2	2	2	0	0	0
Nguyên lý kế toán	0	0	2	2	0	0	2	2	2	1	1	0	0	0
Luật kinh tế	1	0	2	0	2	2	2	0	2	0	0	0	0	0
Lý thuyết tài chính – tiền tệ	0	1	1	2	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
Kinh tế lượng	0	1	1	2	2	2	2	2	2	0	0	0	0	0
Hệ thống thông tin quản lý	0	2	0	2	2	2	0	0	3	3	3	0	0	0
Nghiên cứu Marketing	0	3	2	2	0	2	2	2	3	2	0	0	0	0
Thiết lập và TD dự án	0	3	3	3	0	0	3	2	2	2	0	0	0	0
Thực hành nghề nghiệp 1	0	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	2	2	2
Hành vi tổ chức	0	0	0	2	2	0	3	0	3	2	2	0	0	0
Quản trị tài chính	0	2	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thương mại điện tử	0	0	0	2	2	3	3	2	3	3	0	0	0	0
Học phần bắt buộc														
Quản trị nhân lực	0	2	3	3	3	2	2	2	3	3	3	0	0	0
Quản trị chiến lược	0	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	0	0
Quản trị chất lượng	0	0	3	0	2	2	3	3	2	2	0	3	0	0

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chuyên môn							NL TCTN		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Quản trị sản xuất	0	0	2	0	2	2	2	3	3	3	0	0	0	0
Quản trị thương hiệu	0	2	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	0	0
Quản trị bán hàng	0	2	3	3	2	2	3	0	0	3	3	3	0	0
Quản trị Marketing	0	3	2	2	2	2	3	3	3	0	0	0	0	0
Phân tích hoạt động KD	0	3	2	2	1	2	2	2	2	3	3	3	0	0
Kế toán quản trị	0	2	2	3	3	1	1	1	1	2	2	0	0	0
Kế toán tài chính	0	2	2	2	2	0	3	3	3	2	2	0	0	0
Anh văn chuyên ngành 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	2	2
Anh văn chuyên ngành 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	2	2
Tự chọn	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Quản trị HC văn phòng	0	1	1	2	2	2	3	3	2	2	1	1	3	3
Thị trường chứng khoán	0	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	1	0	1
Khởi tạo doanh nghiệp	0	3	3	2	2	3	3	2	2	2	3	2	1	1
Văn hóa DN & đạo đức KD	0	2	2	2	3	2	3	2	0	0	1	1	2	0
Tâm lý và nghệ thuật LĐ	0	0	2	2	3	2	2	1	1	3	2	2	2	2
Thanh toán quốc tế	0	0	3	0	0	3	0	2	2	2	0	2	0	0
Thuế	0	3	0	2	2	2	0	0	0	0	3	3	0	0
Tin học ứng dụng trong quản trị kinh doanh	0	2	2	0	3	3	0	1	1	2	2	2	0	2
Quan hệ công chúng	0	0	3	3	0	0	0	3	2	1	0	0	2	2
Kinh tế quốc tế	0	0	0	0	3	3	2	0	2	2	2	0	1	1
PP NC trong kinh tế	0	3	3	3	2	2	2	1	1	3	0	1	1	1
Quản trị chuỗi cung ứng	0	2	2	1	1	2	3	0	0	1	2	2	2	1
Quản trị sự thay đổi	0	1	2	3		3	2	2	1	1	0	0	1	1

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chuyên môn							NL TCTN		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Thực tập cuối khóa	0	3	0	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	1
Khóa luận tốt nghiệp	0	3	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2	2
Môn thay thế khóa luận														
E-Marketing	0	0	0	2	3	3	3	2	2	2	0	2	0	0
Quản trị KD quốc tế	0	2	2	3	3	2	3	0	0	0	2	2	2	0

5. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

Triết Mác – Lênin 2(2,0)

Môn học giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu về môn triết học MLN; chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa duy vật lịch sử. Mục tiêu của học phần là xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Tư tưởng HCM và Đường lối cách mạng của ĐCSVN, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo. Môn học gồm chương mở đầu, chương 2 về phép biện chứng duy vật, chương 3 về chủ nghĩa duy vật lịch sử,

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 3(3, 0)

Giới thiệu về học thuyết giá trị; học thuyết giá trị thặng dư; tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước; Sứ mệnh của giai cấp công nhân và chủ nghĩa xã hội; những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa, xã hội hiện thực và triển vọng. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Tư tưởng HCM và Đường lối cách mạng của ĐCSVN, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo. Học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư. Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xhcn.

Đường lối cách mạng của Đảng CS VN 2(2, 0)

Chương trình được xây dựng dựa trên nội dung được ban hành theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2008 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. Ngoài chương mở đầu, học phần gồm 8 chương. Nội dung tập trung làm rõ quá trình ra đời tất yếu của ĐCSVN (1930) và các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng trong các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược qua các thời kỳ lịch sử. Trong đó, đặc biệt chú trọng làm rõ quá trình hình thành, phát triển và kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: Ktế, chính trị, vh- xh và quan hệ đối ngoại trước và trong thời kỳ đổi mới.

Tư tưởng HCM 3(3, 0)

Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển, nội hệ thống tư tưởng HCM (bao gồm: vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; cnxh và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về Đảng CS VN, về xây dựng nhà nước của dân do dân – vì dân; về đạo đức, nhân văn, văn hoá; về quan điểm tài chính). Ở cuối mỗi nội dung tư tưởng luôn có phần liên hệ - phần này được giảng viên kết hợp giữa giảng với hướng dẫn sinh viên tự liên hệ.

Pháp luật đại cương 2(2, 0)

Nhằm trang bị kiến thức chung nhất về NN và pháp luật như nguồn gốc ra đời của NN và PL, bản chất, vai trò, các kiểu và hình thức NN và pháp luật; đồng thời gthiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những vấn đề cơ bản về các hệ thống cơ quan trong bộ máy NN ta hiện nay, và tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta, về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, v.v. .

Quản trị học 3(3, 0)

Cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong kinh doanh như: bản chất, đối tượng, mục đích nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của quản trị học. Học phần còn đi sâu nghiên cứu các chức năng của quản trị như: Quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược, quản trị nguồn nhân lực và một số vấn đề trong quản trị hiện đại như: quản trị sự thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro.

Marketing căn bản 2(2, 0)

Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh như: Định nghĩa về marketing hiện đại; tìm hiểu đại cương hoạt động marketing của doanh nghiệp như môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường của nó bao gồm chiến lược và chính sách marketing căn bản, tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.

Tâm lý học đại cương 2(2,0)

Tâm lý học đại cương gồm các khái niệm cơ bản về bản chất hiện tượng tâm lý người; quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý con người; vai trò của hoạt động và ngôn ngữ đối với sự phát triển tâm lý – ý thức; Cung cấp những hiểu biết cơ bản về các hiện tượng tâm lý người; nhận thức, thái độ, hành vi hoạt động; hiểu được các thành phần cơ bản trong cấu trúc nhân cách của con người. Điều kiện tiên quyết: không

Logic học 2(2,0)

Logic học giúp nắm vững các quy luật lôgic của tư duy, các hình thức, các phương pháp của tư duy đúng, chính xác, cho ta phương pháp nhận thức khoa học và bác bỏ những luận điệu xảo trá, nguy hiểm trong đời sống. Người học nắm bắt được những quy luật và hình thức của tư duy chính xác, góp phần nâng cao trình độ tư duy, tạo thói quen suy nghĩ khoa học.

Tiếng Anh căn bản 1 4(3,1)

Anh văn căn bản 1 giúp sinh viên ôn tập một số điểm ngữ pháp và luyện tập các kỹ năng Tiếng Anh ở trình độ sơ cấp. Học phần này là nền tảng để sinh viên học tiếp học phần Anh văn căn bản 2 và 3 và các học phần tiếng Anh chuyên ngành tiếp theo.

Tiếng Anh căn bản 2 4(3,1)

Sinh viên giao tiếp tiếng Anh ở trình độ sơ cấp thấp: Biết nghe nói những chủ đề thiết thân hàng ngày như: hỏi đường, hỏi giá tiền, thời gian. Biết đọc viết những văn bản ngắn và đơn giản như: nội dung bưu thiếp, e-mail thăm hỏi. Bắt đầu có ý thức so sánh văn hoá Việt – Anh, so sánh 2 ngôn ngữ và nhận ra khác biệt, từ đó hiểu rõ hơn về văn hoá và tiếng mẹ đẻ của mình. Sinh viên được hướng dẫn các điểm văn phạm thường gặp, cách sắp xếp các ý tưởng cả văn nói lẫn viết cũng như hiểu rõ hơn những câu nói trong giao tiếp và bài đọc hiểu nhờ vào thực hành theo cặp và nhóm trong lớp. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh căn bản 1

Tiếng Anh căn bản 3 4(3,1)

Sinh viên được hướng dẫn các điểm văn phạm thường gặp, cách sắp xếp các ý tưởng cả văn nói lẫn viết cũng như hiểu rõ hơn những câu nói trong giao tiếp và bài đọc hiểu nhờ vào thực hành theo cặp và nhóm trong lớp. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh căn bản 1, 2.

Sinh viên được hướng dẫn các điểm văn phạm thường gặp, cách sắp xếp các ý tưởng cả văn nói lẫn viết cũng như hiểu rõ hơn những câu nói trong giao tiếp và bài đọc hiểu nhờ vào thực hành theo cặp và nhóm trong lớp với trình độ cao hơn.

Toán cao cấp 3(2,1)

Toán cao cấp 1 là môn học thuộc phần kiến thức cơ bản, nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về hàm số (một và nhiều biến số) và các phép tính về hàm số như: giới hạn; sự liên tục; phép tính đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số. Điều kiện tiên quyết : Không

Định nghĩa hàm số, cách cho một hàm số, các loại hàm số. Định nghĩa giới hạn và sự liên tục của hàm số; các phép tính về giới hạn và sự liên tục của hàm số. Định nghĩa đạo hàm và vi phân của hàm số; các phép tính về đạo hàm và vi phân của hàm số. Định nghĩa nguyên hàm và tích phân bất định của hàm số; các phương pháp tính tích phân bất định. Định nghĩa tích phân xác định của hàm số; các phương pháp tính tích phân xác định; ứng dụng của tích phân xác định.

Tin học đại cương 3(2, 1)

Giới thiệu kiến thức cơ bản về tin học được ứng dụng trong công việc của từng cá nhân cũng như của các tổ chức kinh tế xã hội. Học phần đề cập đến năm khối kiến thức là: (1) Một số vấn đề cơ bản về tin học như: Thông tin và tin học; Hệ đếm; Máy tính điện tử; Biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử; Phần mềm có mã độc hại (2) Hệ điều hành: Giới thiệu chung về hệ điều hành; Hệ điều hành Windows (3) Soạn thảo văn bản trên máy vi tính: Giới thiệu chung về soạn thảo văn bản; Giới thiệu về một hệ soạn thảo văn bản cụ thể là Microsoft Word (4) Bảng tính điện tử: Giới thiệu chung về bảng tính điện tử; Giới thiệu về một chương trình bảng tính cụ thể là Microsoft Excel. (5) Mạng máy tính.

Lý thuyết xác suất và thống kê toán 3(2,1)

Gồm phần lý thuyết xác suất và phần thống kê toán. Phần lý thuyết xác suất nhằm trang bị những kiến thức cơ bản của lý thuyết xác suất như : Ngẫu nhiên và xác suất; đại lượng ngẫu nhiên; một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng nn và luật số lớn. Phần thống kê: sử dụng những kiến thức cơ bản của lý thuyết xác suất để giải quyết các vấn đề của thống kê như: lý thuyết mẫu; lý thuyết kiểm định; lý thuyết tương quan và hồi qui.

Đây là môn học vừa là cơ bản vừa là cơ sở cung cấp các kiến thức cơ sở để sinh viên học và hiểu được nội dung các môn thống kê kinh tế và phân tích số liệu và dự báo để góp phần học tốt môn kinh tế lượng.

Kinh tế vi mô 3(2,1)

Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại. Cung cấp cho học sinh kiến thức đại cương về lý luận và phương pháp kinh tế trong lựa chọn để giải quyết ba vấn đề kinh tế cơ bản của một nền kinh tế: sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào? và sản xuất cho ai? Môn học khởi đầu với sự nghiên cứu về những cơ sở của cung cầu: vấn đề tiêu dùng cá nhân, đặc tính cầu cá nhân và từ đó suy ra cầu của thị trường. Nội dung tiếp theo là nghiên cứu về đặc điểm của sản xuất, chi phí, lợi nhuận. Các lựa chọn tối ưu hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và thị trường độc quyền. Phần cuối của môn học giới thiệu những vấn đề thất bại của thị trường, thông tin và vai trò của chính phủ.

Kinh tế vĩ mô 3(2,1)

Nghiên cứu nền kt như một tổng thể. Những vấn đề kt vĩ mô đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của các hộ gia đình, các dn, chính phủ các cấp cũng như các mối quan hệ quốc tế. Học phần này sẽ mô tả các biến kt vĩ mô như GDP, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá, tiêu dùng, đầu tư, tiết kiệm. Thêm nữa, học phần này giới thiệu các mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản để giải thích mối quan hệ giữa các chỉ tiêu vĩ mô nói trên. Nội dung bao gồm cả tăng trưởng kinh tế dài hạn và dao động sản lượng trong ngắn hạn. Chính sách kinh tế vĩ mô cũng được trình bày ở mức độ giới thiệu trong học phần này. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Nguyên lý kế toán 3(2,1)

Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế toán để có thể thực hiện được các công việc của kế toán trong một doanh nghiệp từ khâu lập chứng từ cho đến lập báo cáo tài chính. Cung cấp kiến thức để tiếp tục nghiên cứu kế toán tài chính, kế toán quản trị và các môn học khác.

Kinh tế lượng 3(2,1)

Trang bị những kiến thức về ppháp thkê để có thể ứng dụng trong lĩnh vực kt- xh bằng cách rút ra những kết luận dựa trên số liệu và thông tin được thu thập trong điều kiện không chắc chắn. Đồng thời cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong nghiên cứu và phân tích kinh tế và kinh doanh.

Hệ thống thông tin quản lý 2(2, 0)

Cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống tt; Cơ sở công nghệ tt của hệ thống tt; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống tt; Hệ thống thông tin phục vụ

quản lý doanh nghiệp. Trang bị kiến thức về hệ thống thông tin và quản trị hệ thống thông tin.

Giao tiếp kinh doanh 2(2,0)

Cung cấp một số kỹ năng giao tiếp cơ bản có thể ứng dụng vào công việc trong môi trường kinh doanh. PP và kỹ năng giao tiếp cơ bản phục vụ cho công việc sau khi ra trường. Môn học mang tính thực hành cao, các ppháp và kỹ năng giao tiếp được hướng dẫn và thực hành ngay.

Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh. 2(2,0)

Trang bị kiến thức về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp: kiến thức về văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh). Văn hóa doanh nghiệp (Biểu hiện và các dạng văn hoá doanh nghiệp, nhân tố tạo lập văn hoá doanh nghiệp, xây dựng văn hoá doanh nghiệp và nắm giữ trong các hoạt động kinh doanh).

Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư 3(2,1)

Môn học tập trung vào dự án đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hướng dẫn sinh viên sử dụng các kiến thức quản trị chuyên ngành khác (tài chính, marketing, sản xuất, nhân sự...) để: (1) triển khai một ý tưởng kinh doanh – không cần lớn lao hay phức tạp – trở thành một hoạch định khả thi, (2) thẩm định tính khả thi của dự án qua báo cáo nghiên cứu trên quan điểm toàn diện. Như vậy, các dự án mang tính chất công ích, dự án thuộc phạm vi xã hội hay có tác động kinh tế vùng, khu vực sẽ ít được đề cập. Ngoài ra, phân tích & thẩm định kinh tế-xã hội chỉ được giới thiệu và không đi sâu.

Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế 2(1,1)

Xây dựng nhận thức, hiểu biết về vai trò, ý nghĩa, trình tự nghiên cứu trong kinh tế; Biết cách xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và thiết lập được đề cương nghiên cứu; Sử dụng được các công cụ phân tích thống kê cơ bản (mô tả, quan hệ, khác biệt) cho phân tích dữ liệu.; Biết cách thức, quy tắc trình bày một đề cương nghiên cứu và báo cáo nghiên cứu. Môn học cụ thể hoá phương pháp nghiên cứu khoa học vào lĩnh vực kinh doanh, mà cụ thể là các lĩnh vực: kế toán, tài chính và quản trị kinh doanh.

Thanh Toán Quốc Tế 2(2,0)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán quốc tế cũng như nghiệp vụ tín dụng của các ngân hàng thương mại dành cho các nhà kinh doanh xuất nhập khẩu trong thanh toán quốc tế nhằm hoàn chỉnh lý thuyết và kỹ năng thực hành trọn vẹn một giao dịch xuất nhập khẩu cho sinh viên.

Quản trị tài chính. 3(2,1)

Trình bày những vấn đề có liên quan đến tổng quan về quản trị tài chính và những quyết định liên quan đến việc đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp. Nghiên cứu những khái niệm liên quan đến một hoạt động trong công tác quản lý doanh nghiệp – quản trị tài chính; những nhân tố tác động đến các quyết định quản trị tài chính: môi trường vĩ mô, vi mô, biến động của tiền tệ theo thời gian, những ảnh hưởng của lợi nhuận và rủi ro trong việc ra quyết định. Đối với phần quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp. Đây là một trong ba quyết định quan trọng nhất của công tác quản trị tài chính và là quyết định tạo ra giá trị cho doanh nghiệp. Ở phần này chúng ta sẽ nghiên

cứu những cơ sở của việc ra quyết định đầu tư dài hạn, cách thiết lập dòng ngân lưu, tính toán suất chiết khấu và những vấn đề thường gặp phải khi xây dựng dòng tiền trong thực tiễn.

Quản trị chiến lược 3(2, 1)

Nắm được các khái niệm liên quan đến chiến lược và quản trị chiến lược. Phân tích môi trường bên trong, bên ngoài doanh nghiệp, các mô hình chiến lược ứng dụng trên thực tế (case studies). Xác định quan điểm chiến lược, mục tiêu, sứ mệnh. Lập một *chiến lược cụ thể*, lựa chọn phương án chiến lược. Tổ chức thực hiện chiến lược đã lập. Quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể. Làm quen với một/một số chiến lược cụ thể của doanh nghiệp trên thực tế.

Nắm vững các khái niệm chiến lược và quản lý chiến lược; Lập được một chiến lược cụ thể trong hoạt động kinh doanh; Tổ chức thực hiện chiến lược đã lập; Quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể.

Quản trị nhân lực 2(2,0)

Kiến thức liên quan đến hoạch định nhân sự; thiết lập bảng mô tả công việc; xây dựng qui trình tuyển dụng; xác định chương trình đào tạo và phát triển; biết cách đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên; tìm hiểu và thiết lập hệ thống lương bổng - đãi ngộ cho doanh nghiệp; lựa chọn hình thức kỷ luật lao động phù hợp, tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động và thỏa mãn nhu cầu nhân viên.

Quản trị bán hàng 3 (2, 1)

Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng và phân tích đánh giá kết quả bán hàng.

Quản trị sản xuất 2(2,0)

Xây dựng nhận thức, hiểu biết về vai trò quản trị sản xuất-tác nghiệp trong tổ chức. Cung cấp kiến thức cơ bản về thiết kế và vận hành hệ thống sản xuất. Luyện kỹ năng phân tích định tính và định lượng cần cho quản trị sản xuất. Cung cấp các ý niệm, phương pháp cơ bản về mô hình hoá các hoạt động, giúp người học có thể vận dụng để giải quyết các bài toán cụ thể. Trong phạm vi học phần quản trị sản xuất sẽ chủ yếu tập trung vào 3 phần gồm: (1) Giới thiệu tổng quan về quản trị sản xuất; (2) Thiết kế hệ thống sản xuất & dịch vụ và (3) Vận hành hệ thống sản xuất.

Quản trị chất lượng. 2(2,0)

Chất lượng, chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, quản trị chất lượng sản phẩm, chi phí chất lượng, các công cụ quản trị chất lượng và một số hệ thống quản trị chất lượng đang được áp dụng phổ biến hiện nay

Quản trị marketing 2(2,0)

Trang bị tổng thể kiến thức luận về lĩnh vực marketing, quản trị marketing. Môn học còn giúp sinh viên có thể hình dung được hoạt động marketing và quy trình triển khai công tác quản trị marketing. Chương trình cũng đi sâu vào việc giải quyết các yêu cầu đối với việc hoạch định chiến lược marketing, kế hoạch marketing, chương trình marketing. Ngoài ra, môn học cũng trang bị những kiến thức tổng thể về thương hiệu và kiến tạo thương hiệu cho sinh viên ngành kinh tế. Nội dung chương trình tập trung

hiệu vào việc vận dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ở lĩnh vực marketing.

Quản trị thương hiệu. 2(2,0)

Cung cấp kiến thức, kỹ năng quản trị thương hiệu. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương hiệu; cách thức xây dựng thương hiệu; thiết kế, đăng ký thương hiệu; quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh. Một số vấn đề chung về thương hiệu. Xây dựng thương hiệu. Xác định tên thương hiệu. Thiết kế biểu trưng thương hiệu. Đăng ký bảo hộ thương hiệu. Quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh.

Kinh tế quốc tế. 2(2,0)

Môn học trình bày các lý thuyết về thương mại, nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các nước, các nền kinh tế và các khu vực kinh tế trên thế giới. Những vấn đề về phân phối và sử dụng tài nguyên giữa các nền kinh tế thông qua con đường trao đổi hàng hóa, dịch vụ, các yếu tố sản xuất, chuyển đổi tiền tệ và thanh toán giữa các quốc gia.

Giao Tiếp Kinh Doanh 2(2,0)

Cơ sở của quá trình giao tiếp, môi trường tổ chức quá trình giao tiếp, nghệ thuật nói chuyện và trình bày báo cáo bằng miệng. Phỏng vấn và dẫn dắt hội nghị. Phát triển kỹ năng viết trong giao tiếp.

Thị trường tài chính 2(2,0)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, các công cụ lưu thông trên thị trường tài chính. Tìm hiểu các định chế tài chính. Cơ chế hoạt động của các từng loại thị trường... để sinh viên có thể hiểu được chức năng bản chất của thị trường tài chính, làm nền tảng giúp cho sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn các loại thị trường tài chính.

Cung cấp kiến thức tổng quan về cơ chế hoạt động, các bộ phận cấu thành của thị trường tài chính. Đặc biệt chú trọng đến thị trường chứng khoán là nơi cung cấp vốn dài hạn cho nền kinh tế với những tính chất ưu việt và phù hợp với nền kinh tế thị trường.

Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo. 2(2,0)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, Quản trị nguồn nhân lực. Cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích: Bản chất của lãnh đạo, phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất, sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể, phát huy năng lực tập thể, khảo sát, đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học, nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, yếu của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo,...

Thuế 2(2,0)

Các khái niệm về thuế, việc phân loại thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế xã hội. Đánh giá một cách có hệ thống về các loại thuế, phạm vi áp dụng và sự vận hành của chúng trong nền kinh tế xã hội. Tính toán, kê khai các loại thuế cơ bản thông qua hệ thống bài tập thực hành sát với thực tế của các doanh nghiệp. Phát triển khả năng tự cập nhật thông tin về thuế trong quá trình học và sau khi kết thúc chương trình đại học nhằm phục vụ cho công việc thực tế sau khi ra trường.

Quan hệ công chúng. 2(2,0)

Giới thiệu những nguyên tắc cơ bản của Quan hệ công chúng (Public Relations). Mục đích là giúp cho học viên có những hiểu biết nền tảng về PR mà từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn. Môn học này cung cấp kiến thức về PR: Hiểu rõ PR được đặt ở vị trí nào trong mỗi qhệ liên quan với các lĩnh vực nc và nghề nghiệp khác. Hiểu rõ những ngắtt và lí thuyết nền tảng của PR và tìm hiểu xem chúng đã được ptriển như thế nào. Hiểu rõ tầm quan trọng của truyền thông trong hoạt động PR, những kỹ năng cơ bản cần thiết khi giao tiếp với giới truyền thông và các công cụ của PR. Hiểu rõ hơn về hoạt động PR trong một số tổ chức.

Quản trị kinh doanh quốc tế 3(3,0)

Môn học gồm 5 chương, được chia thành ba phần nhằm đến 3 mục tiêu: Xây dựng kiến thức nền tảng về ngoại thương. Nắm được kỹ thuật nghiệp vụ trong kinh doanh xuất nhập khẩu. Trang bị kiến thức phục vụ công tác quản trị kinh doanh quốc tế. Môn học Quản trị kinh doanh quốc tế nghiên cứu sự ra đời, vai trò của hoạt động ngoại thương, các nghiệp vụ trong ngoại thương và hoạt động quản trị ngoại thương của của doanh nghiệp.

Nghiên cứu marketing 3(3,0)

Môn học giới thiệu tổng quan về Marketing. Xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế kế hoạch nghiên cứu. Chọn mẫu và tiến hành thu thập số liệu. Phân tích thống kê và báo cáo kết quả. Môn học này nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu kinh tế trong nền kinh tế thị trường, đồng thời cũng giúp sinh viên cách thức tiến hành thu thập, xử lý và phân tích thông tin thị trường một cách khoa học phục vụ cho quá trình ra quyết định kinh doanh.

Phân tích hoạt động kinh doanh 2(2,0)

Cung cấp những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó nhận thức được bản chất của hđ kinh doanh trong dn, có kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh. Học phần còn giúp cho sv có kỹ năng đọc và phân tích báo cáo tài chính, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh.

Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh 2(2,0)

Môn học nghiên cứu những kiến thức về tâm lý người lao động, tâm lý người mua, kỹ năng giao tiếp trong điều kiện thực tế kinh doanh hiện nay. Mục tiêu là trình bày được những kiến thức cơ bản của tâm lý tâm lý kinh doanh. Vận dụng kiến thức về tâm lý của người lao động, tâm lý người mua vào thực tiễn. Nhận biết, nắm bắt được đặc điểm tâm lý của người lao động, người mua nhằm phục vụ cho quản lý con người. Ứng dụng các kỹ năng giao tiếp vào trong thực tế kinh doanh.

Hành vi khách hàng 2(2,0)

Hành vi người tiêu dùng (NTD) là một lĩnh vực nghiên cứu có nguồn gốc từ các khoa học như tâm lý học, xã hội học, tâm lý xã hội học, nhân văn học và kinh tế học. Hành vi NTD chú trọng đến việc nghiên cứu tâm lý cá nhân, nghiên cứu những niềm tin cốt yếu, những giá trị, những phong tục, tập quán ảnh hưởng đến hành vi con người và những ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cá nhân trong quá trình mua sắm tiêu dùng.

6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CTDH

6.1. Đối với Khoa và Bộ môn:

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Nhà trường và lưu tại Văn phòng khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo theo đúng tiến độ.

- Phân công giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo được theo kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

6.2. Đối với giảng viên:

- Giảng viên được phân công giảng dạy học phần, cần phải nghiên cứu kỹ đề cương học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, giảng viên xác định các phương pháp thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

6.3. Đối với sinh viên:



- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.


- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

6.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập:


- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).
- Phòng thực hành máy tính được cài đặt phần mềm đào tạo tin học căn bản.

Hiệu trưởng
(kí, ghi rõ, họ tên, đóng dấu)


TS. NGUYỄN VĂN QUANG

Phòng Quản lý Đào tạo


ThS. Lý Mẫn Tẹn

Khoa Kinh tế


PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm